



Tập san

Số 46

Biệt Động Quân

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI B.Đ.Q.

Thư Tổng Hội

Thưa quý Niên Trưởng, quý Chiến Hữu và gia đình,
Thưa quý thân hữu, độc giả,

Thay mặt Ban Chấp Hành Tổng Hội Biệt Động Quân và Chương Trình Huynh Đệ Chi Binh, chúng tôi kính chúc quý vị và các bạn một Mùa Xuân hạnh phúc, dồi dào sức khỏe để cùng với người dân Việt Nam tiếp tục công cuộc đấu tranh đòi hỏi Tự Do Dân Chủ thực sự cho đất nước. Bốn mươi năm qua, tập đoàn Cộng Sản đã tàn phá đất nước, làm cho xã hội băng hoại, mọi giá trị đạo đức bị xem thường... Ước mong năm mới, năm Bính Thân, với sự sụp đổ và phá sản của chủ nghĩa Cộng Sản trên toàn thế giới, sẽ là thời điểm cáo chung của nền cai trị độc tài của tập đoàn Cộng Sản tại quê nhà.

Tổng Hội Biệt Động Quân trung thành với lý tưởng Quốc Gia-Dân Tộc, luôn sát cánh cùng các tổ chức của cộng đồng tỵ nạn, đòi hỏi Tự Do-Dân Chủ cho đồng bào Việt Nam. Nhờ sự lớn mạnh và thành công của giới trẻ, những người đã hội nhập vào dòng chính tại hải ngoại, góp sức cùng thế hệ đi trước, góp phần củng cố làn ranh Quốc-Cộng, cuộc đấu tranh đòi Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam

phải tất thắng. Cuộc đấu tranh còn nhiều cam go, nên chúng ta phải kiên trì, đề cao cảnh giác để không bị bọn “đón gió trở cờ” gây mất đoàn kết, phân hóa lực lượng. Tin tưởng vào chính nghĩa và cao trào đòi Tự Do Dân Chủ của đồng bào, chắc chắn một ngày không xa chủ nghĩa Cộng Sản, độc tài, vô nhân tại Việt Nam phải cáo chung.

Trong không khí tươi mát của mùa Xuân, một lần nữa, thay mặt Tổng Hội Biệt Động Quân và chương trình Huynh Đệ Chi Binh, chúng tôi kính chúc quý vị và bửu quyền một năm mới AN KHANG-THỊNH VƯỢNG.

California, ngày 28 tháng 12 năm 2015

TM. Tổng Hội Biệt Động Quân

Tổng Hội Trưởng



BDQ Nguyễn Minh Chánh

Những Mâu Chuyện Chiến Trường.

Bài thứ hai

Trận Ấp Bắc, MỘT GÓC NHÌN

Trường An & Trần Nguyên Công.

Đã quá lâu để nhắc lại một trận Ấp Bắc, nhưng đây chính là một khởi điểm dẫn đến nhiều biến cố lịch sử đau thương của miền Nam Việt Nam sau này.

Đã hơn nửa thế kỷ, hơn 52 năm trôi qua, trận Ấp Bắc xảy ra đầu tháng 1 năm 1963, đến nay đã đi vào dĩ vãng, chẳng còn ai nói đến, hay để ý đến. Tuy vậy, nhắc đến hai chữ Ấp Bắc, hãy còn nhiều người nhớ rõ, biết đến. Nhiều nhân chứng còn sống đến hôm nay.

Nhìn lại suốt chiều dài cuộc chiến Việt Nam, trận Ấp Bắc chẳng đáng là gì! Thế nhưng vào thời điểm bấy giờ nó đã được thổi phồng lên và trở thành một biến cố nổi bật, rất ồn ào, làm như trận Ấp Bắc chứng tỏ CSBV đã có đủ thực lực để thôn tính miền Nam trong thời gian rất gần. Dư luận này xôn xao trên những cơ quan truyền thông, không những trong thế giới CS mà cả trong thế giới Tự Do, đặc biệt là ở Mỹ.

Trong khuôn khổ bài báo, đây cũng chỉ là một góc nhìn.

Năm 1959, CSBV bắt đầu sử dụng lãnh thổ nước Lào để đưa vào miền Nam nhân vật lực hầu phát động chiến tranh du kích. Chính phủ VNCH đã đối phó hữu hiệu bằng cách thành lập hai binh chủng tinh nhuệ là LLDB và BDQ. Giữa năm 1961, LLDB/QLVNCH đã mở cuộc hành quân

Lôi Vũ do Thiếu Tá Trần Khắc Kính, phó giám đốc Sở khai thác địa hình (tiền thân của BTL/LLDB) chỉ huy. Với cuộc hành quân này, nhiều toán Lôi Vũ đã bí mật hành quân trên phần đất Lào để thu thập tin tức, khám phá đường dây xâm nhập của quân CSBV. Cuộc hành quân đã đem lại nhiều kết quả mỹ mãn, tuy nhiên, các toán Lôi Vũ không có nhiệm vụ tác chiến để tiêu diệt các đơn vị CS cũng như phá hủy đường tiếp vận này cho dù ở thời điểm đó, LLDB đã có 3 Đại Đội biệt Kích Dù thiện chiến. Những đơn vị này có thừa khả năng đánh tan những đơn vị CSBV xâm nhập và những đơn vị cộng quân Pathet Lào yếu ớt có cố vẫn là những cán bộ CSBV. (Những đơn vị CSBV xâm nhập vẫn núp dưới bóng cờ Lào cộng). Cuối cùng, những hoạt động quân sự của các phe lâm chiến khiến tình hình chính trị Lào quốc trở nên rối ren, phân hoá. Phe trung lập do hoàng thân Souvanna Phouma làm thủ tướng. Phe cực hữu do Tướng Phoumi Nosavan cầm đầu. Cộng sản Pathet Lào do hoàng thân Soupha Nouvong cầm đầu. Trong nhóm lãnh đạo cao cấp nhất của Pathet Lào còn có nhân vật Kayson Phonvihan.

Tháng 12 năm 1959, Tướng Phoumi Nosavan đảo chánh cướp chính quyền. Thủ tướng Souvanna Phouma qua Campuchia lánh nạn rồi trở về trung Lào lãnh đạo phe trung lập và xin Liên Xô viện trợ. Từ lời kêu gọi này, Liên Xô vừa nhỏ giọt viện trợ cho phe trung lập, lại vừa viện trợ dồi dào cho Pathet Lào.

Tướng Phoumi Nosavan cầm quyền từ sau cuộc đảo chánh 1959 rồi lại bị Đ/u Kong Le đảo chánh vào tháng 8 năm 1960 và Phoumi Nosavan chỉ trở lại nắm chính quyền vào năm 1961 nhờ sự trợ giúp tích cực của CIA. Từ năm 1960, Tướng Vang Pao được trợ giúp của CIA đã thành lập và lãnh đạo đạo quân bí mật Hmong chống CSBV và Pathet Lào.

Do tình hình hết sức phức tạp ở Lào, các thế lực ngoại giao quốc tế đã dẫn Lào quốc đến một hiệp định mà người ta thường gọi là Hiệp Định Geneve về Lào năm 1962. Kết

quả là nước Lào theo thể chế trung lập.

Pathet Lào tức CS Lào mặc nhiên được chấp nhận như một thành phần trong thể chế trung lập này, họ trở thành một thực thể, có lực lượng quân sự và chiếm lĩnh Bắc và Đông Bắc Lào (phần đất có cùng đường biên giới với Việt nam) làm lãnh thổ hoạt động và được viện trợ từ Liên Xô. Cùng lúc đó, các lực lượng ngoại quốc phải rút ra khỏi lãnh thổ Lào và các hoạt động quân sự phải chấm dứt. Tuy vậy, CSBV được CS quốc tế yểm trợ, vẫn tiếp tục hoạt động dưới bóng cờ Lào cộng để được an toàn xây dựng đường mòn HCM(Tây trường Sơn).

Cuộc chiến Việt Nam mà hai quốc gia láng giềng, dù không phải là thù địch nhưng họ giữ thể trung lập, lại có phần nghiêng hẳn về phía CS. Họ làm nger để cho CSBV tự do thao túng suốt chiều dài biên giới với VNCH qua lý do đơn giản: “không đủ khả năng ngăn chặn” thậm chí còn chối phăng những hoạt động của CSBV trên lãnh thổ mình.

Trên phương diện địa chính, sự liên hệ giữa ba nước Việt, Miên, Lào là không thể tách rời. Nghĩa là nếu cuộc chiến tranh xảy ra ở miền Nam VN, thì đó cũng chính là cuộc chiến tranh mà cả 3 nước đều ở chung trong thể liên hoàn trách nhiệm.

Thái độ của cả hai nước láng giềng có đường biên giới chạy dọc bên hông từ Bắc chí Nam, đã làm cho công cuộc phòng thủ của VNCH trở nên cực kỳ khó khăn. Áp lực địch luôn luôn đè nặng suốt vùng biên giới phía Tây. Những phần đất VNCH giáp với hai quốc gia Lào và Campuchia luôn luôn ở trong tình trạng nguy hiểm.

Trong thời Pháp thuộc, người Pháp đã nhìn thấy cái thể liên hoàn giữa 3 nước Việt Miên Lào. Khi trở lại Đông Dương lần thứ hai năm 1946-1954 quân đội Pháp cũng đã dàn trải hệ thống phòng thủ của họ trên cùng lúc 3 quốc gia.

Không thể nói các chiến lược gia Hoa Kỳ không nhìn ra “cái thể” của “bàn cờ thể” chiến tranh này. Đối với người

Mỹ, đường biên giới phía Tây VNCH không phải là một thử thách phòng ngự mà đó chính là một “lỗ hổng” cố ý, là cửa ngõ giữa thế giới tự do và thế giới CS, để các đảng CS trên thế giới với tham vọng nhuộm đỏ toàn thế giới, tuôn đổ tất cả tiềm năng quốc gia của họ vào đó, để khi chiến tranh VN chấm dứt cũng chính là lúc CS cạn nguồn, những giá trị CS tan thành mây khói, toàn khối CS Đông Âu sụp đổ. Đối với người Mỹ, đó là cái mà họ gọi là “bất chiến tự nhiên thành”.

Đối sách của Mỹ ở Lào và Campuchia chẳng khác nào gián tiếp bỏ ngõ đường biên giới phía Tây của VNCH. Chẳng khác nào để trống một con đường thênh thang cho chiến tranh ngày càng lan rộng và miền Nam Việt Nam bị biến thành bãi chiến trường khốc liệt, nơi đối đầu giữa sức mạnh của thế giới tự do và tiềm năng của khối CS quốc tế. Đó là tình huống của miền Nam tự do mà trước đây người ta đặt cho nó cái tên “tiền đồn chống cộng”. Quân dân VNCH lâm vào thế chằng đặng đứng phải hy sinh xương máu mình để cố giữ cho bằng được phần đất tự do còn lại của tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, một khi các hoạt động quân sự của miền Nam ở trên phần đất Lào bị buộc phải chấm dứt thì đối sách của VNCH trước sau đã không đáp ứng được thế liên hoàn hiểm hóc này. Không khoá được hơn 1,500Km chiều dài đường biên giới phía Tây, VNCH đã để thế phòng ngự vượt khỏi tầm tay mình.

Trong tình thế đó, HCM hí hửng cùng đảng CSBV hô hào khởi động cuộc chiến tranh toàn lực, đẩy vào lò lửa chiến tranh hết thế hệ con người này đến thế hệ thanh thiếu niên khác. Qua chỉ thị của các “quan thầy Liên Xô” và “bè trên Trung Quốc”, tất cả nhân vật lực của miền Bắc CS đều bị đồng loạt đẩy vào cuộc chiến tranh xâm lăng, nhuộm đỏ miền Nam Việt Nam xuyên qua “cái lỗ hổng” biên giới ba nước Việt, Miên, Lào. Cuộc chiến tranh đẫm máu người Việt Nam và làm kiệt quệ chủ nghĩa CS mà sau cùng chỉ

có nước MỸ là kẻ chiến thắng. Hậu quả của cuộc chiến là toàn thể khối CS Đông âu đồng loạt tan rã, nhiều dân tộc ở Đông Âu được giải phóng, thoát khỏi gông cùm Cộng Sản. Trong khi đó dân tộc Việt Nam phải lãnh nhận một mình tất cả những hậu quả chiến tranh. Hàng triệu người chết, hàng triệu người mang thương tật. Người dân Việt Nam hai miền Nam Bắc gánh chịu tối đa khổ đau, tối đa nhọc nhằn, mất mát, và tổ quốc Việt nam tan nát dưới mưa bom và đạn pháo. Cần nói rõ như thế để thấy sự dốt nát của nhân vật HCM và sự ngu muội của cái quái thai CSBV. Đồng thời nhận rõ tính nô dịch của các tầng lớp đảng viên CSVN. Quân đội miền Bắc mang tiếng là quân đội nhân dân nhưng thực chất là QĐ của đảng CSBV, là QĐ đánh thuê cho phong trào CS quốc tế. Người ta vẫn còn nhớ di ngôn của Lê Duẩn, tổng bí thư đảng CSBV: “ta đánh là đánh cho Liên Xô và Trung quốc”. Khối CS quốc tế và chư hầu của nó là CSBV -đây tham vọng hoang tưởng- đã sa vào cái “lỗ hồng” đặt sẵn, họ đã đẩy lên cuộc chiến tàn khốc làm tan rã khối CS quốc tế mà gánh chịu những tổn hại sâu sắc nhất lại chính chỉ là dân tộc Việt Nam.

Khi CSBV phát động chiến tranh ở VN, tất nhiên nước VN trở thành điểm nóng. Chính cái điểm nóng VN đã được dùng để giải quyết cuộc chiến tranh lạnh giữa siêu cường Hoa Kỳ và khối CS quốc tế. Dưới nguyên do chống lại hiểm họa của bóng ma CS, Hoa Kỳ tung ra những vũ khí ngày càng tối tân, đó chính là khởi điểm của cuộc chạy đua vũ trang.

Nhưng làm thế nào Hoa Kỳ có lý do để đưa quân bộ chiến và vũ khí vào VNCH để trực tiếp đối đầu và sau cùng hủy diệt tiềm năng của khối CS quốc tế?

Áp Bắc là một trong hàng loạt những cái cớ để Hoa Kỳ thực hiện điều đó.

Một khi những hoạt động quân sự của VNCH trên phần đất Lào bị buộc phải chấm dứt có nghĩa là CSBV đã có một

quà tặng vô cùng quý giá: “an toàn xây dựng đường mòn HCM trên đất Lào”. Điều này giúp cho CSBV từ những đơn vị du kích nhỏ, trang bị thô sơ, đã có thể thành lập những đơn vị cấp tiểu đoàn, trung đoàn, đủ mạnh để có thể đối đầu với chủ lực quân của VNCH và mở rộng chiến tranh xâm lăng.

Trong khi quốc sách Ấp chiến lược làm phá sản chiến tranh du kích của CS. Thì cùng thời điểm đó, chính phủ Ngô Đình Diệm nhất định không chấp thuận cho Hoa Kỳ đổ quân chiến đấu vào VN. Sự từ chối đề nghị đổ quân chiến đấu Hoa Kỳ vào VN của tổng Thống Diệm đã khiến ông và chính phủ Đệ Nhất Cộng Hoà trở thành một trở ngại cho chiến lược toàn cầu của nước Mỹ. Do đó, người ta có thể nói rằng cả Hoa Kỳ và CSBV đều mong muốn triệt hạ Tổng Thống Ngô Đình Diệm. CSBV muốn giải toả quốc sách ấp chiến lược, muốn tìm một tiếng vang để tuyên truyền còn Hoa Kỳ muốn dành lấy “vai chánh” trong chiến tranh VN. Trận Ấp Bắc đã hình thành từ tình huống đó và được cả hai phe CS cũng như những hệ thống truyền thông thế giới phóng đại thành một biến cố trọng đại, làm như sự tồn vong của chính thể tự do VNCH chỉ còn là thời gian rất gần.

Trận Ấp Bắc thoát nhìn như là trận đánh qui ước nhưng thực sự CSBV lúc đó chưa có đủ khả năng thực hiện trận địa chiến. Quân CS chọn lựa trận địa, bố trí quân, chặn đánh quân Cộng Hoà rồi rút đi ngay sau đó. Không nắm rõ tình địch, sư đoàn 7 bộ binh VNCH dùng một lực lượng lớn để đánh vào một cái bóng rõ ràng là bất lợi. Thế giới làm như không để tâm, bàn tán về sự thương vong rất lớn của phe CS, mọi nguồn tin, mọi phân tích, mọi phê phán đều chỉ quy vào chính phủ và quân đội VNCH.

4 chiếc trực thăng H21 (trái chuối) -quá cũ kỹ- tồn thất trong trận chiến này chưa hẳn đã do bị địch xạ kích. (Những chiếc trực thăng cũ kỹ này thường xuyên rơi hay phải đáp khẩn cấp trong các cuộc hành quân LLDB vì lý do trực trực



kỹ thuật). Những thiết vận xa bị khựng lại không phải vì hoá lực địch mà là vì địa thế không thích hợp cho xe xích sắt. Chận đứng bước tiến của M113 và gây tổn thất cho 4 trực thăng, CS tuyên truyền rằng chúng đã đánh bại chiến thuật điều hâu trực thăng vận và không chế được thiết vận xa M113; Hai thứ chiến thuật và vũ khí đã từng là nỗi kinh hoàng của “bộ đội GPMN”. Thử hỏi quân CSBV lúc đó đã có vũ khí gì để bắn rơi trực thăng? Để chận đứng những đợt tấn công của M113?

Cái thất thế của sư đoàn 7 bộ binh VNCH và những đơn vị tăng phái là không biết rõ trận liệt địch, không nắm rõ binh địa, kinh địch. Các cấp chỉ huy cao cấp quá tin vào thế mạnh của mình không thèm để ý đến sự dàn dựng chiến trận của địch. Chưa đụng độ với quân địch cấp” TĐ +” bao giờ. Chọn bãi đáp trực thăng ngay trước trận địa địch, tự biến mình thành những mục tiêu trên đường ngắm súng của quân địch. Ngoài ra, trong trận này, BĐQ chỉ được sử dụng như là đơn vị trừ bị, thay vì lực lượng này phải được sử dụng ngay từ đầu trận, bằng chính chiến thuật đặc thù của nó để buộc địch quân phải lộ diện, buộc địch quân phải lộ thế trận liệt.

Ấp Bắc chỉ có thế. Và mĩ mai thay chỉ có như thế mà

nó đã làm rúng động dư luận thế giới qua những hệ thống truyền thông của Mỹ. Trong khi năm 1974, trận chiến Phước Long kinh hoàng gấp trăm ngàn lần và thực sự đã là chỉ dấu rất rõ cho sự thất trận của VNCH thì không một cơ quan truyền thông nào của Mỹ phân tích hay đưa lên thành “nguồn tin vàng” như họ đã từng làm trước đó ở “Áp Bắc”.

Cuối cùng, qua trận Áp Bắc, những điều cần ghi nhận không phải chỉ là diễn tiến trận đánh với những tổn thất và thương vong. Trận Áp Bắc đã được phóng đại thành lý do chính đáng để chính phủ Hoa Kỳ trình bày cho thế giới và dân chúng Mỹ “hiểm họa Cộng Sản” ở Đông Nam Á Châu. Nó báo cho những chiến lược gia Hoa Kỳ biết rằng, phe CS đã lao vào cái bẫy Nam Việt Nam và hơn ai hết, những nhà chiến lược toàn cầu này hiểu rằng, trận Áp Bắc chính là cái mồi, cái khởi đầu cho một cuộc chiến tranh “no win war” đẫm máu và tốn kém mà cuối cùng, những thành trì vững chắc nhất của CS quốc tế sẽ phải sụp đổ để những chính quyền CS trên thế giới phải cáo chung.

Trận Áp Bắc chính là tiếng hô xung phong của đảng CS Việt Nam, tiếng hô của những kẻ “mù tư duy”, tự nhận là “mũi dùi xung kích” của phong trào CS quốc tế. Tiếng hô nhuộm máu người Việt Nam cho đỏ thêm màu cờ của “đảng Cộng Sản Liên Xô”, cho hồng thêm bài ca của “đảng Cộng Sản Trung Quốc”.

Trận Áp Bắc do đó cũng là một khởi điểm cho quân dân miền Nam Việt Nam trong việc bắt buộc phải chấp nhận cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn để tự vệ, để chống giữ nền tự do dân chủ cho người dân miền Nam. Trận Áp Bắc là khởi thủy của muôn vàn đau thương mà người dân miền Nam phải gánh chịu. Nó là khởi điểm của sự hy sinh vô bờ bến xương máu của NGƯỜI LÍNH VNCH và những QUÂN NHÂN của các quốc gia đồng minh trong cuộc chiến đầy gian truân và đầy bi hận.

Tài liệu tham khảo: Wikipedia (The Free Encyclopedia)

Đón Xuân Nay

Nhớ Xuân Xưa

Captovan

Loay hoay mãi bên vệ đường để tháo nước trong người ra mà tôi không đi.. được khiến cây AK với lưỡi lê đầu súng thúc vào lưng tôi rồi ra lệnh: “đái khẩn trương nên” làm tôi giật mình tỉnh dậy lúc 3 giờ sáng. Mộng và thực cứ quện vào nhau theo tôi mãi tới cuối đời, mỗi khi cảm thấy buồn đi... thì lại gặp bộ đội với công an, chán thật! Nhưng đôi khi hình ảnh những con cháu “ba-ác” này cũng giúp cho nhiều người tỉnh mộng trong đó có tôi, nếu như không có lưỡi lê AK thúc lưng mà tôi cứ thoải mái hưởng thú vui thứ nhất quận công thứ nhì đái đồng thì sẽ gặp nhiều phiền toái với chiếu chần.

Nửa đêm giờ tí canh ba, giật mình thức dậy rồi thì làm gì? Thì đi tìm nước uống nên tôi nhìn thấy bàn ăn tối qua đón Giao Thừa còn thừa mứa thịt xôi, đĩa bánh chưng xanh cắt bằng dây thành từng miếng vuông vức còn y nguyên chưa ai đụng tới, tuy bụng đói cồn cào nhưng tôi không muốn ăn vì tối qua uống hơi nhiều nên khô cổ họng, một ly nước lạnh làm tôi tỉnh ngủ. Nhìn bàn tiệc dở dang, nhìn mấy người bạn tù năm xưa, từ tiểu bang xa về chơi, đang say sưa mộng đẹp làm tôi nhớ đến đêm ấy, cũng vào lúc

3 giờ sáng đêm Trừ Tịch ở trại 8 Hoàng Liên Sơn miền Thượng Du Bắc Việt...

Nhà tù làm bằng tre nửa được dựng trên sườn đồi gần hồ Thác Bà nên tứ bề lộng gió, đêm Đông mưa phùn gió bắc, tù co quắp kiêu nào cũng lạnh buốt thấu xương, ngủ không được thì ngồi dậy bó gối cho ấm ngực thì lại lạnh cái lưng, ước chi có một bi thuốc lào rít khói vào cho tù qua cơn đói. Ánh lửa bập bùng từ dưới bếp tù hắt lên, tiếng sạt-sạt của xẻng do mây “anh nuôi” cao cháy làm tôi mơ tưởng đến những tảng cháy vàng trong chảo gang khiến những cái “bụng đói cật rét” càng bị hành hạ thêm! Nghĩ đến cái bánh chung trại phát tôi đã ăn hôm trước mà tiếc hùi hụi, giá chưa ăn, ôm nó vào lòng mà ngủ thì chắc ấm và sẽ được no con mắt.

Lý do tôi tiếc cái bánh chung vừa bằng bàn tay mà trại phát cho tù ăn Tết chẳng phải chuột gặm hay ai lấy mất, tôi đã ngấu nghiến mấy miếng là hết ngay sau khi vừa được cầm trong tay. Lâu ngày không gặp nhau, nhớ thương khôn tả, gặp nhau là tôi cởi dây, lột áo làm liền, thỏa mãn trong phút chốc, tuy chẳng là bao, để rồi nhớ thương tiếc mãi, nó đã đến và đi mất tiêu rồi, phải chờ một năm nữa may ra mới gặp lại, mà “nhất nhật tại tù thiên Thu tại ngoại”. Quái ác là người đồng tù cũng là đồng môn thời trung học L.Pétrus Ký nằm bên thì vẫn ung dung ngồi nhìn cái bánh chung treo toèng-tèng trước mặt như để luyện công phu chống lại mọi cám dỗ. Tôi nói với anh ta coi chừng xôi hồng bỏng không, như anh Tr., miếng ăn đến miếng mà còn mất.

Anh Tr. bị kiệt lý cả tuần, uống Xuyên Tâm Liên nên nằm liệt giường, ngày đầu ăn được chén cháo, ngày thứ hai nửa chén, ngày thứ ba chỉ còn sức để uống nước cháo nhưng lúc nào cũng hỏi: “Chùng nào trại phát bánh chung?”. Sang ngày thứ sáu thì không ăn gì được nữa, anh em khuyên Tr.. cố gắng nuốt chút nước cháo cho có sức, Tr.. thì thào nói:

- Tôi chờ ăn bánh chung, mai trại phát bánh chung, tôi

ăn một lúc cho đã.

Nhưng than ôi, miếng ăn đến miệng mà còn mất! Không phải ai lấy mất của anh mà anh mất đúng vào ngày trại phát bánh chung!

Muốn quên đi cái hình ảnh quá khứ thiếu thốn và hiện tại dư thừa, tôi ngồi vào bàn đọc tin tức đồng bào gần xa đang chuẩn bị đón Xuân.

Mở cái tựa đề “Đón Xuân 2014 Ở Xóm Nghèo Miền Núi”, tôi thấy bài báo kèm theo hình ảnh về cái nghèo nàn và buồn tẻ vào những ngày cận tết ở một huyện miền núi thuộc tỉnh Kiến An. Tim tôi đập nhanh, tôi lấy tay xoa mặt, xoa mắt nhìn cho rõ, Kiến An trong bài báo chính là quê tôi vào thập niên 1950. Chú bé đi cà-kheo chính là hình ảnh của tôi 65 năm về trước, nhưng em có áo ấm hơn tôi và thêm đôi dép nhựa. Ngày xưa ấy, nhà tôi nghèo lắm, tôi chỉ phong phanh cái quần đùi, chân đất đi cà-kheo giữa tiết Đông lạnh buốt. Mảnh ruộng, luống rau, xa xa vài mái nhà tranh chính là hình ảnh xóm nghèo quê tôi năm xưa vào những ngày cận tết. Đọc bản tin, ngắm tấm hình mà toàn thân tôi như tê hăn đi, nhắm mắt lại, tôi thả hồn về quá khứ...



Làng tôi nằm ở ngã ba đường nối liền tỉnh Kiến An và thành phố Hải Phòng, chỉ cách hai nơi này chừng ba cây số, lưng làng dựa vào chân núi Cự Viên, có người còn gọi là núi Kha Lâm, trên đỉnh cao nhất, sát với tỉnh lỵ Kiên An có đài thiên văn do người Pháp xây. Núi không có cây cao, rừng rậm mà chỉ toàn là cỏ và những vạt cây thấp xen lẫn những bụi xim nên trẻ làng thường chăn trâu trên đó rồi đi tìm xim chín, chia phe đánh trận, thi chạy cà-kheo, một thì ngồi nhìn sang thành phố Hải Phòng nơi có những ống khói cao vút của hãng ciment.

Phía trước mặt làng, ngoài lũy tre xanh là cánh đồng ruộng nước chạy dài tới bờ sông Chảy, con sông nối liền tỉnh lỵ Kiến An và Hải Phòng. Cánh đồng nước là nơi chúng tôi lặn lội mò cua bắt ốc, câu cá. Với vị trí địa dư, phong thủy đẹp như thế lẽ ra làng tôi phải vượng lắm, nhưng các cụ trong làng đồn rằng “hàm rồng” ngay chân núi đã bị bọn 3-Tàu từ Hải Phòng sang mua lấy làm nghĩa trang nên làng tôi nghèo. Chuyện phong thủy đúng sai chưa biết, nhưng dải đất giữa chân núi và làng tôi là nghĩa trang của người Tàu sống ở Hải Phòng.

Làng nghèo thì gia đình tôi cũng nghèo, chỉ tạm đủ ăn và đón cái Tết nghèo, nhất là kể từ sau ngày bố tôi qua đời. Trước Tết, bố tôi còn mạnh khỏe, lo toan mọi việc để chuẩn bị đón Xuân, nhưng rồi bất ngờ ông ngã bệnh, thầy lang bắt mạch nói bố tôi bị bệnh “thương hàn”, cho uống thuốc Bắc và chỉ trong một thời gian ngắn, chừng độ một tháng, chưa hết vài thang thuốc thì bố tôi ra đi. Bố tôi sinh năm 1906, qua đời ngày Rằm (15) tháng Giêng (ta), năm 1947, hưởng dương 41 tuổi.

Vào thập niên 1950 ở làng quê tôi, không có nhiều thứ bệnh, chẳng biết cao mỡ, cao máu là gì, hễ bị bệnh thì gọi là bị bệnh “thương hàn”, cạo gió, xông hơi dăm ba ngày không thuyên giảm thì người nhà chạy vòng quanh trong làng, ngoài huyện tìm thầy lang, mời thầy đến bắt mạch, thầy không đến thì người khỏe kể bệnh của người ốm (đau) rồi thầy hốt thuốc, thầy bốc những cây lá khô, ít cam thảo, trần bì (vỏ quýt) rồi phán “cơm 3 chén, thuốc 3 thang” là khỏi, không khỏi là “đi” chứ đâu cần đi “khám bác sĩ”, mà bác sĩ là cái gì nhỉ? Là ông quan đốc sống ở lưng trời, đâu phải như thời nay ở hải ngoại, sờ đâu cũng có thuốc, đi đâu cũng đụng bác sĩ, “tới hẹn lại lên” mà không đến thì phòng mạch gọi tele nhắc nhở.

Những năm sau khi bố tôi ra đi thì giặc lại “tràn về qua thôn xóm” nên gia đình mẹ góa con cô chúng tôi tản

cư sang Tiên Lãng, Văn Khê rồi lại hồi cư về nhà cũ, thu hẹp đời sống quanh quẩn dưới mái tranh, cạnh ruộng vườn. Năm xưa ấy, sát bên nhà là mảnh vườn mà vào cuối năm, sau khi bắp đã bẻ, khoai đã rở (nhỏ) thì mẹ tôi và mấy chị vuôn luống trồng xu-hào, rau cải, hành lá v.v... Rau cải và hành dùng để nén* dưa ăn tết, xu hào thì mang bán lấy tiền mua đường trà muối mắm.

*(*rau cải và hành để nguyên cây phơi héo rồi xếp vào vại, rắc muối, dùng vật nặng đè nén chặt lên trên, gọi là nén dưa, muối mặn như vậy thì để được lâu).*

Tôi nhớ mãi một lần theo mẹ đi chợ Tết ở ngã ba Quán Chừ vào cuối năm 1953, chợ Tết nhà quê đơn sơ mộc mạc, mẹ tôi đội trên đầu thúng đựng củ xu hào, còn tôi được mẹ giao cho đeo cái bị cói đựng hơn chục quả trứng gà, mẹ tôi nói bán xong hàng thì mua thịt lợn (heo) về gói bánh chưng và mua cho tôi và thằng em út mỗi đứa một đôi guốc, nhưng chẳng may tôi vấp ngã làm vỡ vài quả trứng, tôi mếu-máo, mẹ xoa đầu an ủi:

- Không sao đâu con, vỡ có vài quả thôi, mình mua bớt



thịt đi cũng được mà.

Chợ quê với những cụ già hiền lành mộc mạc đơn sơ, đơn sơ như những mặt hàng Tết nhiều rau, nhiều củ mà ít bánh kẹo. Mẹ tôi mua được miếng thịt lợn lớn hơn bàn tay, ít thịt nhiều mỡ, để đủ gói chục cái bánh chưng. Mẹ mua cho tôi đôi guốc, nhưng không dám đi mà kẹp nách trên đường về để dành cho mới, để khoe mấy thằng bạn cùng xóm, những thằng em bà con như Tô Văn Đát, Tô Đức Hạnh, Tô Thanh Chiêu, Tô Văn Giao để sáng Mồng Một Tết cũng:

- Chỉ cha chỉ chát khua giày dép, đen thủi đen hui cũng lướt là.

Nhưng rồi tai họa ập đến vào những ngày cận Tết, không riêng gia đình tôi mà cả làng bị Tây đuổi! Mỗi gia đình nhận được thông báo rằng tất cả phải dời đi nơi khác để nhà nước trưng dụng đất làng làm vị trí đóng quân, quân đội Pháp từ xa tập trung về những vùng xung quanh thành phố Hải Phòng. Họ đến kiểm kê nhà đất, đếm từng cây cau, cây mít để bồi thường tiền rồi người dân muốn đi đâu thì đi!

Xóm làng đang yên bình thì tan đàn xẻ nghé, tứ tán bốn phương, không ai còn tâm trí nghĩ đến “tết nhất” nữa, mà vội vàng tìm nơi tá túc ở những làng lân cận. Buồn nhất gia đình tôi vừa làm xong nhà mới, một dinh cơ nhà năm gian hai trái, ao cá sân gạch khá khang trang do anh chị Cả của tôi làm công chức bên Hải Phòng về xây dựng cho mẹ và các em, nhà mới còn thơm mùi gỗ mà bị phá đi thì đau lòng biết là dường nào! Kêu trời thì trời ở xa, kêu người có quyền ở gần thì họ có súng nên đành bỏ tất cả mà xách bị gói đựng vài bộ quần áo vá mà ra đi. Anh chị Cả tôi lại đón mẹ và các em sang ở chung trong căn nhà nhỏ ở khu phố Dinh, Hải Phòng. Đó là nguyên nhân chính khiến toàn thể gia đình mẹ con anh chị em tôi di cư vào Nam tháng 3/1954. Nếu làng không bị đuổi thì chắc rằng mẹ tôi sẽ chẳng bao giờ bỏ mảnh đất yêu thương mà di cư.

Có bị lia xa quê cha, mà tổ mới thấy tiếc, thấy thương, thấy nhớ cái bờ ao có ba tảng đá kê làm chỗ rửa chân, có cây xi nghiêng mình trên mặt nước thả rễ xuống đám lục bình. Có bị lia xa nơi chôn rau cắt rốn tôi mới thấy nhớ hàng cau trước nhà, trên bẹ cau có tổ chim, tôi rình nghe tiếng chim non chíp-chíp là biết con chim đã đủ lông để trèo lên bắt. Tôi nhớ cây bưởi đào sau hè trái to xum xuê, loại bưởi (bông) múi đỏ vỏ vàng, vị ngọt chua-chua nhiều người ưa thích. Tôi tiếc bờ tre xanh rậm rạp nơi mà đàn cò trắng thường bay về đoàn tụ mỗi buổi chiều, ríu rít chia nhau chỗ ngủ đêm. Mỗi cành cây, mỗi tác đất đều có dấu chân anh em tôi, cỏ cây như có linh hồn níu kéo chân người bị đuổi đi, hướng chỉ bên ngoài lũy tre xanh kia, nơi nghĩa trang, cha tôi còn nằm đó mà chúng tôi phải lia xa chưa biết đi về đâu, đó là cái Tết buồn đau sau cùng trên đất Bắc, làng Cựu Viên, tỉnh Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Thực ra thì những năm về trước, thập niên 1950, khi bố tôi còn sinh tiền thì Tết quê tôi vui lắm. Những ngày cuối năm, sau khi việc đồng áng đã xong, trong họ ngoài làng bàn tính chuyện đón Tết mà việc quan trọng nhất vẫn là chuyện gói bánh chưng, người nào việc nấy. Bố tôi chặt tre chẻ lạt, đánh gốc tre già phơi khô để nấu bánh, mẹ tôi tính chuyện đỗ gạo, còn đám anh em trẻ con chúng tôi thì lằng xằng khắp xóm, nghe tiếng “eng-éc” lợn bị chọc tiết ở đâu thì ùa nhau đến xem, châu chực xin cho được cái bong bóng (bọng đái lợn), đem chà sát với tro bếp cho thật mỏng, thổi căng phồng rồi chí chóc đá bóng với nhau.

Nhiều gia đình chung nhau giết một con lợn, gọi là “đánh đưng” để lấy thịt gói bánh, thịt chia ra từng phần, tùy theo nhu cầu giàu nghèo mà lấy nhiều phần hay ít. Hồi đó chưa có tủ lạnh nên tôi thấy mẹ tôi sát muối vào thịt rồi xếp vào cái ang, cái thau bằng sành để giữ cho thịt được lâu dăm bữa nửa tháng.

Ngày gói bánh thì vui hơn tết, đàn ông khom-khom gói,

đàn bà mở-mở lá chuối lau, bà kiểm cút rượu và bày đồ cho ông nhắm. Trẻ con như chúng tôi thì lảng xăng chạy vòng quanh, chọc nhau cười chí chóc, giả vờ đụng tay vào những nắm đậu xanh rồi vội nhặt hạt đậu rơi ra bỏ miệng. Khi gói sắp xong, phần gạo đậu dư ra thì mỗi đứa nhỏ được gói cho cái bánh bằng nắm tay gọi là bánh “gù”. Bánh gù để trên cùng luộc chung với bánh chưng, thế là tụi nhỏ cũng thức, ngồi quanh bếp hồng, nằm co quắp trong ổ rơm chờ bánh chín.

Ngày Mồng Một Tết thì kiêng đủ thứ nên trẻ con không được phá phách, được mặc quần áo mới, theo đuôi người lớn đi chào ông bà cha chú bác trong họ hàng để nhận tiền mừng tuổi. Có tiền nhưng không có bánh kẹo hay đồ chơi để mua nên đưa mẹ giữ hộ, hay mẹ “bán” cho một con gà con mới xuống ổ để làm vốn riêng, gà lớn đem bán lấy tiền mua bút, mua sách hay để dành tới tết năm sau mua áo mới.

Mồng Hai Tết, theo Mẹ và các chị đi thăm di, em ruột của mẹ, ở làng Vân Quan, cách xa nửa ngày đường đi bộ và chỉ đi bộ nên cảm thấy xa lắm, bù lại đến nhà di thì được “ăn cỗ”. Một lần đi chúc Tết bác Tô Văn Ứng ở làng Khúc Giản, thấy ông bác nhấp nhấp chén (chung) nước màu hồng-hồng, mùi thơm-thơm, rình lúc ông quay đi, tôi ném thử, thấy giòn-ngọt, cay-cay, tôi bèn ực luôn một hơi rồi linh ra vườn, một lúc sau tôi thấy chóng mặt rồi nôn mửa (ói), trong bụng có gì cho ra hết, nằm vật ra góc vườn.. Chiều ra về, tôi hết tung tăng, báo hại bà chị, đường xa chân đi guốc mà phải cõng thẳng em trên lưng. Lần đầu tiên tôi trong đời tôi biết mùi rượu nếp cẩm là gì.

Từ Mồng Năm Tết trở đi thì vui lắm, dọc theo hai bên đường dẫn đến đình làng, người ta cắm cờ đuôi nheo, cắm phướn bay phấp phật trước gió Đông. Đình làng tôi có cây đa già vài trăm tuổi, không có chú cuội mà chỉ có những ông bình vôi ngồi gốc cây đa. Cành đa vươn xa trên mặt hồ nước, lũng lảng trên đó những dây đu, bóng dâm lá đa làm mát mát những anh thợ cày đổ mồ hôi. Đầu đình làng có

cây gạo cao vút tầng mây, xa nửa ngày đường cũng trông thấy, trên ngọn cây người ta cắm lá cờ ngũ sắc báo hiệu ngày vui. Trống đình từng-từng liên hồi như thúc dục làng nước gần xa mau về sân đình xem khai hội.

Khai mạc với màn đánh vật, đánh vật là hai thanh niên cõng trần ôm nhau, vờn nhau lừa miếng vật đối thủ, anh nào bị đè nằm ngửa dưới đất hay bị nhấc bổng lên là thua. Tiếng trống “thùng-thùng” thúc quân, dân quây vòng tròn hô hào cổ võ, thanh niên hồi đó đánh vật chỉ trông vào sức khỏe và nhanh nhẹn chứ không hề biết môn võ nào cả. Ngoài môn đánh vật ra, còn nhiều trò giải trí khác như nhảy bao bố, đập nôi niêu, trèo cột mỡ, đuổi bắt vịt dưới hồ và hội hộp nhất là tụi nhỏ chúng tôi đứng trên mình nhìn anh trai cày, chị gái cày ôm nhau đánh đu:

“Trai đu gối hạc khom khom cật.

Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng

Bốn mảnh quần hồng bay phát phới

Hai hàng chân ngọc đuổi song song”

(Hồ Xuân Hương)

Dân quê tôi quanh năm suốt tháng cúi mặt với đất, phơi lưng cùng trời, đàn ông thanh niên cả đời theo đuôi trâu, luôn miệng “vắt-vắt, hợ-hợ”, vắt vả với những con trâu trẻ ham chơi chỉ biết “sáng tai hợ, điếc tai cày”. Đàn bà phụ nữ làng tôi, đầu đội vai gánh, quần một ống, quần hai ống, ống thấp ống cao, xắn tới bẹn, cả ngày ngâm nước, không sợ đĩa, không sợ thâm.. chỉ mong sao cắm nhanh nắm mạ, cấy cho xong vạt ruộng trước khi trời tối. Nhưng cấy xong rồi, chưa về tới nhà đã nghe “lợn kêu, con khóc”, và chắc gì đã yên thân với ông chồng lười ngồi rung đùi rít điếu thuốc Lào, thủy hỏa giao nhau kêu sòng-sọc, ngửa mặt lên trời nhả khói, say thuốc tê mê đang mong vợ về, mơ tưởng tới chuyện “tôm-tem”.

Vì vậy, khi chuyện đồng áng đã xong, “Tháng Giêng là tháng ăn chơi” nên nam nữ già trẻ lớn bé tụ về sân đình

xem hội. Ngoài những môn thi đua, quanh xóm đình còn có những thú vui khác là đánh sóc đĩa, tổ tôm, chẵn cạ, tam cúc (lúc đó chưa có chơi bài loại 52 lá ách đậm già), hấp dẫn nhất vẫn là những gian hàng “mộc-tòn”, bánh đúc đậu rán chấm mắm tôm, canh bánh đa, bún riêu, cua luộc, nải chuối tiêu treo bên cạnh keo kẹo bột, kẹo lạc, bát nước chè xanh và cái điều cày, toàn những món khoái khẩu chế biến từ nông sản địa phương.

Ngày ấy quê tôi còn xa lạ với tiếng “phở”, chưa biết bún thịt nướng, bỏ 7 món là gì, cao lương mỹ vị làm từ thịt, từ sữa còn quá xa lạ với dân quê. Tội nghiệp những đứa trẻ chúng tôi, vâng vâng mấy đồng xu mừng tuổi trong túi mà có quá nhiều thức ăn ngon thì làm sao đây? Đứng dòm thềm chảy nước bọt, thằng Chiêu* mót 5 hào mua cái bánh rán rồi cả đám chạy đi, vừa chạy vừa truyền tay nhau mỗi thằng cắn một miếng. Ăn hết cái bánh rán, cả bọn đứng lại trước quán bún riêu, thơm quá, nhưng làm sao 5 thằng ăn chung một bát? Thôi, không thềm ăn bún riêu, thằng Đát* bảo thế rồi nó mua một đồng lạc rang để dễ chia nhau hơn.

*(*Đ/Úy Tô Thanh Chiêu, TĐ4TQLC đã tử trận và mất xác tại bãi biển Thuận An, Huế vào ngày 25/3/1975, Thằng Tô Văn Đát, thiết giáp, tử trận tết Mậu Thân)*

Ngày vui qua mau, hết tết, người lớn tiếp tục thay trâu cày, trẻ con áo cánh quần đùi chân đất, tay cầm cuốn tập góc quăn queo chạy tới lớp trong khuôn viên nhà thờ có thầy giáo Đại. Lúc nào tay thầy cũng cầm cái thước kẻ, thầy bảo xòe tay ra, tay dính mực là thầy khẻ “chát-chát”, tuy có rát nhưng còn dễ chịu hơn khi nghịch quá thầy bắt úp bàn tay, thầy gõ lên mu, đau quá cái mu bàn tay. “Miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời” những cái tết tuổi nhỏ quê nghèo làm sao quên?

*

* *

Tháng 3/1954 gia đình tôi di cư vào Nam, miền xanh tươi lúa chín đầy đồng, cá lội đầy sông, đất rộng người thưa, dân hiền hòa, nước thanh bình nên người dân miền Nam vui Xuân đón Tết thật tung bừng náo nhiệt. Tuy lúc đầu có đôi chút khác biệt về phong tục, nhưng rồi dân di cư hạnh phúc khi thấy bánh chưng ngòì cùng bánh tét, đậu phộng năm chung với lạc, rau muống với giá sống sống chung, là người một nhà, và người miền Nam có một ước nguyện đầu năm thật đơn giản dễ thương được tượng trưng bằng một mâm trái cây gồm “cầu, dừa, đu, xài” với cặp trái vú sữa to tròn, dừa hâu đỏ lòng mát dạ những ngày Tết nóng đỏ mồ hôi.

(Nghe đầu ngày nay ở hải ngoại, vẫn giữ phong tục mâm trái cây cúng Tết, nhưng các bà thay trái măng cầu bằng trái táo, tiếng Tây gọi là bom “bom dừa đu xài”)

Từ Khánh Hội tới Bàn Cờ, qua Hòa Hưng, đến Chí Hòa Ngã Ba Ông Tạ, sang Trương Minh Giảng, Bùi Phát, đi Xóm Mới, Gò Vấp v.v...không khí Tết, buôn bán Tết tràn ngập phố phường. Pháo bắt đầu nổ tung bừng, “ly rượu mừng” trên làn sóng phát thanh và trên bàn nhậu thâu đêm suốt sáng vẫn không say.

Tuổi đang lớn, tôi được hưởng những cái Tết thật hạnh phúc, ấm cúng và đầy đủ trong vòng tay mẹ già, anh chị em đoàn tụ, hàng xóm tử tế và hình như tôi bắt đầu thấy cô hàng xóm cũng dễ thương.

Ở hẻm 172/27 Đỗ Thành Nhân Khánh Hội, cái hẻm trắng xi-măng rộng chừng xải tay, chiều chiều bà con hàng xóm ra ngòì trước cửa hóng mát nói chuyện thì em Cúc-Hà ở nhà đối diện cũng ra ngòì “hóng chuyện”, tôi cũng chân co chân duỗi ngòì nghe thiên hạ bàn chuyện làm mứt gừng mát bí, chả hiểu vô tình hay cố ý mà ngón chân cậu con trai 16 tuổi đụng đúng điểm huyết ở gan bàn chân cô gái 13, thế là lườm, là nguyệt, là xì, là bủ môi, nhưng rồi cuối cùng thì cũng rủ nhau dung dăng tay trong tay đi xem chợ Tết, chợ

Xóm Chiếu.

“Tình chỉ đẹp khi còn dang dở” khiến tôi nhớ mãi tên em, trai gái buông tay nhau, tôi ôm súng, ngồi chờ canh gác đêm công Tôn Thất Lễ ở trường Võ Bị, sương mù che mắt, lạnh thấu xương, kéo mũ trùm đầu thêm cái nón sắt mà dường như tôi vẫn nghe văng vẳng “Đón Giao Thừa Một Phiên Gác Đêm...”, “nếu con không về chắc mẹ buồn lắm..” từ khu cư xá Chi Lăng vọng lại! Đêm ấy là đêm trù tịch 1962, tôi đưa tay áo trần lau nước mắt.

Đêm Giao Thừa mà khóc thì vất vả cả năm, đúng sai tùy lòng tin của mỗi người, nhưng từ đó tôi đón Xuân, ăn Tết cùng đồng đội Cọp Biển TQLC khắp 4 vùng chiến thuật, từ Bến Hải đến Cà Mau, cái Tết nào cũng nhiều vất vả. Cái Tết 1965 đầu đời binh nghiệp là ở TĐ.5/TQLC bên suối Lồ-Ồ Dĩ An với nhiều bất an, hồi hộp, lo âu.

Bãi tập chiến thuật của TĐ5 là cánh rừng thưa dưới chân núi Châu Thới có nhiều mai vàng đang nở, mà dấu cho “nếu mai không nở thì ..” thì cảnh sấm tết của người dân Thủ Đức, Dĩ An, Biên Hòa cũng cho chúng tôi biết Xuân đang về nên khi thực tập bài học tấn công, anh em binh sĩ đã gài vào người những cành mai rừng, việc này sai với nguyên tắc nguy trang, nhưng tôi chỉ mỉm cười, vì nếu anh em binh sĩ nào tinh ý cũng thấy trên ngực áo trần tôi gài cành mai nhỏ có hai bông. Mới tốt nghiệp thiếu úy, ra trường chưa tròn tháng mà đã gài hai bông mai trên áo là điềm hên, xui gì đây? Thăng cấp hay truy thăng?

Kèn báo động, Tiểu Đoàn ra lệnh tập hợp, súng đạn sẵn sàng để lên đường tiếp viện ngay đơn vị bạn đang đụng trận. Cái gì thế? Chúng tôi nhìn nhau lo âu ngơ ngác, phòng “văn khang” hoa rượu bánh mứt đã sẵn sàng trên bàn tiệc, ngoài cửa, biểu ngữ “Cung Chúc Tân Xuân” và những lá cờ bay phất phới, nhưng không khí buồn đau tràn ngập, tin dữ dồn dập gửi về, TĐ.4/TQLC đang đụng rất nặng tại Bình Giả. Đại Đội Trưởng là Tr/Úy Dương Bửu Long nhắc binh

sĩ coi kỹ lại súng đạn chuẩn bị lên đường rồi anh kéo tôi ra xa nói nhỏ:

- Tiểu Đoàn Trưởng TĐ4, Thiếu Tá Nguyễn Văn Nho, Tiểu Đoàn Phó Trần Văn Hoàn, Bác Sĩ Trương Bá Hân và mấy người bạn cùng khóa của mày là Kháng và Hùng đã tử trận cả rồi, tình hình nguy ngập lắm..*”

*(*Theo tài liệu của Trung Ủy Trần Ngọc Toàn, ĐĐT/ĐĐ1/TĐ4 TQLC thì tổng kết thiệt hại của TĐ4/TQLC tại trận Bình Giả là: 112 tử thương, 120 bị thương, 82 mất tích)*

Tin hai bạn đồng khóa là thủ khoa Võ Thành Kháng và Nguyễn Văn Hùng tử trận vào ngày 31/12/1964 khiến tôi sững sờ, toàn thân tê đi, tình nguyện chọn binh chủng tổng trừ bị là chọn hiểm nguy, nhưng không ngờ các bạn tôi lại ra đi quá nhanh, quá sớm!

Chúng tôi tốt nghiệp Khóa 19 Võ Bị ngày 28/11/1964, vừa trải qua 15 ngày phép mãn khóa, cặp lon thiếu úy TQLC óng ánh kim tuyến trắng tinh chưa dính bụi trần, vẫn còn hương thơm và dấu tay người yêu, vậy mà các bạn tôi đã hy sinh, đã trả nợ Tổ Quốc xong cả vốn lẫn lời! Người yêu đang chờ các anh về cùng nắm tay nhau ngắm hoa Xuân trên đường Nguyễn Huệ, nhưng các anh đã được truy thăng “trung úy”! Bất giác tôi cúi nhìn xuống ngực, hai bông mai vàng tôi gài lên áo trận ở bãi tập đã rơi từ lúc nào? Anh em Mũ Xanh thường nói “TQLC sống hùng sống mạnh nhưng không sống lâu”.

TĐ5/TQLC chưa kịp tiếp viện TĐ4/TQLC thì mọi chuyện đã an bài, chẳng ai thiết “Ngày Xuân Nàng Chén Ta Chúc..” mà chúng tôi chuẩn bị súng đạn lên vai, mười hai ngày gạo lên đường hành quân Pleiku, Đức Cơ, Dakto, Tân Cảnh, nơi nào có tiếng súng nổ là có chúng tôi, lần hồi những đồng đội cũ thưa dần vì “đi phép” dài hạn hay ngắn hạn thì đơn vị lại có thêm người mới. Khí hậu Cao Nguyên lạnh buốt mùa Đông, mai rừng đã hé nhụy, đơn vị tôi được lệnh về dừng quân ở ngoại ô thành phố Kontum để bảo vệ

đồng bào đón Xuân, Xuân 1966.

Tôi rủ mấy người bạn đọc ra phố rửa mắt và nhâm nhi, phố chính là đường Trần Hưng Đạo nhộn nhịp, đi vòng ra bờ sông Dabla có quán cafe của em Trâm chân dài ví vạ, chả sơ múi gì, nốc cạn ly café rồi quay về phố chính, uống café kiểu ngưi ằm bời trong lòng chẳng có gì vui. Đi ngang tiệm chụp hình, thấy lá quốc kỳ không treo mà lại gắn trên tường, thằng Trần Tử Phương, chuẩn úy, gỡ cờ xuống rồi quàng vào người, thằng Ch/Úy Lộc-Lùn, thằng Ch/Úy Cường Tây-Lai, thằng Th/Úy Quang-Gù và tôi, giật lá cờ vàng 3 sọc đỏ ra, đề thằng Phương năm xuống đất, 4 thằng cầm 4 góc, phủ lá cờ lên người Phương, một thằng bắt nhịp hát:

- ò í e, ò ò í e e e...”.

Tiếng kèn truy điệu bằng mồm vừa dứt thì Phương vùng dậy, cười toe toét:

- Tao chưa chết.

Là lính thì ai cũng biết điệu kèn này là kèn gì rồi, mà lính đang đi đánh giặc lại chơi như thế thì đúng là rờn mặt với tử thân, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, lính Mũ Xanh sống hùng sống mạnh nhưng không sống lâu, và Trần Tử Phương đã tử trận sau đó vài tháng.

Tháng 6/1966, trong trận Mộ Đức Quảng Ngãi, Tiểu Đoàn Trưởng Dương Hạnh Phước, Bác Sĩ Lê Hữu Sanh, 2 cố vấn Mỹ cùng nhiều anh em bị tử trận. Riêng Đại Đội 4 của tôi bị nặng, 34 hy sinh. Ch/Úy Trần Tử Phương và Ch/Úy Thảo tử trận, Th/U Lộc bị thương, Tr/Úy Dương Bửu Long bị thương, Th/Úy Lê Đình Quý bị VC bắt sống, tôi thoát nạn, vì hỗn với thượng cấp, bị phạt 15 ngày trọng cấm, bị nhốt ở QC 202 trước khi tiểu đoàn đi hành quân Mộ Đức.

Đám lính trẻ chúng tôi lang thang phố phường Kontum xem dân sắm Tết, đi qua tiệm bán đồ kỷ niệm, thấy có con báo (beo) nhồi bông đẹp quá, tôi hỏi mua, cô chủ tiệm bảo

không bán, để trưng thôi. Tôi thì chịu, còn nàng chẳng chịu, thua thì thua cứ níu lấy con ...beo, cuối cùng bí nước, nàng chọc quê lính nghèo, cô nói thách giá “3 ngàn”. Lương thiếu úy chưa tới 5 ngàn, mới lãnh và đang dạo phố chưa có chỗ tiêu, tôi móc ra đếm, nắm tay cô hàng đặt vào 3 ngàn rồi tôi ôm con báo nhồi bông trước cái nhìn ngơ ngác của cô chủ tiệm.

“Xuân này con không về chắc mẹ buồn lắm”, vừa hát xong tôi nhớ đến mẹ, đến anh chị tôi, chắc gia đình cũng đang chuẩn bị đón Xuân, mẹ đang nghĩ đến con, anh nghĩ đến em nhưng không biết nó đang phiêu bạt nơi nào? Tôi quyết định gửi con beo này làm quà Tết biểu mẹ và anh chị, tôi nhờ thằng bạn cùng khóa Th/Úy Huỳnh Văn Phú mang về Saigon dùm vì Phú được đi phép.

Đêm về đang nằm võng đu đưa, nghĩ đến lúc gia đình nhận được quà chắc là mừng lắm, như có tin vui con em mình còn sống... thì tôi nghe sùng nổ, tiếng nổ chát chúa ngay chỗ tôi nằm, võng đứt dây, tôi lăn xuống hố. VC tấn công, chẳng có chi lạ, mấy hôm nay chúng vẫn dò dẫm bắn quấy rối vào vị trí đóng quân của TD.5, nhưng tối nay có vẻ căng hơn, chúng bắn B40. Mùi tanh, vị mặn, đau rất khắp mặt, tôi biết mình đã bị thương, đưa tay vuốt mặt nhưng tôi không nhìn thấy gì cả, nghe loáng thoáng B1 Nguyễn Văn Đá, cao-bồi của tôi, gọi y tá, tôi được tản thương vào bệnh viện Kontum.

Ngày thứ ba, bác sĩ gỡ băng ở mắt tôi ra, ông ta quơ tay trước mặt tôi và hỏi:

_ Thiếu úy có nhìn rõ không?

_ Rõ, 5/5, bàn tay 5 ngón.

_ Tốt, may lắm, chỉ là vỏ cây và đất đá văng vào mặt vào mắt thôi, không có miếng đạn...

Binh Nhất Đá đến đón tôi xuất viện, cướp lời vị bác sĩ như để an ủi tôi thêm:

- Nhưng cái đầu võng của ông thầy đã bị miếng B40

chém rách và đứt dây rồi.

Tôi đã nhắm mắt đón Xuân 1966 trong bệnh viện, nhưng còn sống thì còn Xuân, chỉ thương cho B1 Đá, quê quán tại Phước Lễ Vũng Tàu, đã chẳng bao giờ có mùa Xuân đến với em nữa, em đã tử trận sau Tết năm đó trên con rạch ở rừng thơm trong mật khu Lý Văn Mạnh.

Xuân đến Xuân đi rồi Xuân lại đến, nhưng anh em lính chiến TQLC chúng tôi thì vẫn đi, đi để bảo vệ quê hương, để đồng bào đón Xuân trong thanh bình và đã nhiều anh em tôi ra đi, đi mãi trong những cuộc hành quân này.

Những ngày tháng cuối năm 1967, Chiến Đoàn B TQLC gồm TĐ1 và TĐ2 lùng và diệt địch trong vùng Định Tường, Giáo Đức, Cai Lậy vì tin cho biết 2 tiểu đoàn VC địa phương 261 và 262 sẽ đánh phá vùng này, chiếm Quận Giáo Đức và Cai Lậy, hai cái yết hầu trên QL4 để ngăn chặn nguồn tiếp tế từ vùng IV về Saigon, cắt nguồn lương thực không cho đồng bào ăn Tết và rồi trận chiến đã xảy ra đúng như dự đoán.

Trận chiến trên kinh Cái Thia kéo dài từ sáng sớm tới đêm khuya. Đêm hưu chiến 31/12/1967, trên kinh Cái Thia, cách quận Cai Lậy chừng 10km, TĐ2 Trâu Điền đã đụng độ ác liệt với 2 tiểu đoàn VC là 261 và 262, Trâu Điền đã chôn vùi chúng trên con kinh này, nhưng cái buồn nhất với tôi là một số đồng đội đã bị thương và tử thương, trong đó có đàn em thân tín như ruột thịt, em đã hy sinh một cách anh dũng, vì đồng đội mà hy sinh, em vĩnh viễn ra đi khi vừa mới cưới vợ trước chuyến đi hành quân ấy, đó là:

Nguyễn Quốc Chính, K20VB, Tr/Úy ĐDP/ĐĐ.1/TĐ.2TQLC.

Chiến Đoàn B/TQLC đã hoàn thành nhiệm vụ an dân, Trâu Điền được dừng quân ở hai bên bờ sông Cai Lậy, anh em thay quần áo sạch để chuẩn bị đón Xuân. Chị Doan và chị Hợp và nhiều chị khác đã từ Saigon đem con xuống Cai Lậy để vợ chồng cha con đoàn tụ trong ba ngày Tết, cảm động nhất là thân mẫu của Tr/U Lâm Tây Đô cũng lặn lội từ

xa mang quà đến cho con trai, “Xuân này con không về” thì mẹ ra tiên tuyến thăm con, nhưng vui chưa trọn thì đã buồn chia tay, đúng ngày đầu Xuân, VC đã xé lệnh hưu chiến, đem thân chết đến nơi nào có dân đang ăn Tết, Tết Mậu Thân 1968 để tấn công, anh em Trâu Điền phải vội vã lên đường về giải phóng Thủ Đô Saigon, để lại nơi “tiên tuyến” Cai Lậy mẹ già, vợ đại con thơ, gói quà Tết chưa kịp mở.

- “Anh Về Thủ Đô Chúng Tôi Chờ Mong”. Lời bài ca nói thế.

Chúng tôi đã về thật, nhưng chúng tôi về để diệt kẻ thù ngay trong lòng thủ đô, chẳng ai chờ mong chúng tôi về trong hoàn cảnh éo le này. Ngày Tết chúng tôi về thì mẹ già lại khăn gói chạy giặc. Nếu như Tết năm 1963, khi còn là SVSQ, tôi được đi phép về Saigon ăn Tết, tôi đã được làm quen với em rồi chờ nàng đi Lãng Ông ... thì Xuân này, Mậu Thân 1968 tôi đã đem quân tấn công vào mục tiêu trong đó có nhà em. Chúng tôi đã được về thủ đô ăn một cái Tết mát mát nhiều hơn vui, tiếng đạn nhiều hơn tiếng pháo, xác pháo phủ xác người, xác người đè lên xác pháo.

Ở mặt trận ngã ba Cây Thị, rạp hát Cao Đồng Hưng, địch ẩn núp trong nhà dân, ngõ hẻm chằng chịt ngoằn ngoèo, Hạ Sĩ Thành vốn là thổ địa ở đây nói với người trung đội trưởng:

- Em là dân ở đây, nhà em trong này, thiếu úy để em đi đầu dẫn đường.

Đau thương, HS Thành vừa tiến đến gần nhà mình thì gục xuống, anh đã hy sinh ngay nơi anh sinh sống, chưa kịp mở cửa nhà để chào mẹ già.

Ở khu vực đài phát thanh Phan Đình Phùng, người yêu tìm đến thăm B1 Thủy và hẹn chiều hôm sau đến mang quà vui Xuân, nhưng ngay đêm đó Thủy đã hy sinh!

Thiếu Úy Chu có người yêu là cô Tâm, Lương Thị Tâm, ở đường Trần Quang Khải, họ hứa với nhau “Xuân này anh sẽ về và cùng cha mẹ mang trầu cau tới xin ... nắm tay em”,

nhưng buồn thay, thân phụ Tâm đã tử nạn trong trận đụng độ giữa VC và TĐ2/TQLC tại xóm Gà. Bà già Tâm không muốn thấy bộ quân phục rằn ri nữa, tình Chu-Tâm dang dở, chả đẹp tí nào! Người lính chiến đã hy sinh tuổi trẻ còn bị hàm oan, mất cả tình yêu.

Tại mặt trận đường Hậu Giang, cư xá Phú Lâm A, Hạ Sĩ Bùi Ngọc Đường đã cứu mạng một phóng viên chiến trường trong đường tơ kẽ tóc, họ trở thành anh em kết nghĩa, chụp chung một tấm hình làm kỷ niệm, nhưng rồi sau đó người phóng viên lại hy sinh khi VC tấn công đợt hai, cô con gái 7 tuổi giữ kỹ tấm hình của cha và anh lính Trâu Điền trong nhật ký để làm kỷ niệm.

Tháng 7/2008, trên tờ báo lính KBC Hải Ngoại, có bài viết “Người Yêu Trâu Điền”, tác giả N.A nhắc lại kỷ niệm về người cha thân yêu và người lính TQLC, trong đó có đoạn:

Anh Trâu Điền Yêu Dấu.

Khi viết năm chữ này, trái tim em đập những nhịp bất thường, ngón tay cầm viết cũng run rẩy, trước mặt em là tấm hình đen trắng.

Anh Trâu Điền biết mà, tấm hình này chính Ba em chụp cho anh, tự nhiên Ba cầm tấm hình ngắm nghía rồi đưa cho em, nói:

- Tấm hình này đẹp quá, muốn giữ không con?

Tấm hình Ba khen đẹp quá, em đã ép trong cuốn nhật ký nhỏ, dấu kín giữ cho riêng em mà thôi ..

Tháng Năm năm Mậu Thân, VC lại tấn công thủ đô lần thứ hai ..

Buổi sáng hỡi hùng đó, không có anh Trâu Điền, Ba em đã đi luôn ..

Không, Ba có trở về bằng thân xác còn nóng hổi, máu còn chảy ra linh láng, ướt hết quần áo em! Hai chị em yếu đuối đã vác xác Ba về

Lá thư này em viết nhưng không bao giờ gửi, vì em đâu biết anh Trâu Điền ở nơi nào trên mảnh đất đầy thống khổ.

Em viết lá thư này như một nhu cầu yêu thương dành cho anh Trâu Điền, người bạn trẻ của Ba, hình ảnh Ba và anh Trâu Điền luôn gắn liền nhau trong lòng em. Em giữ mãi lá thư không gửi trong cuốn nhật ký.

Với lòng mong mỏi anh Trâu Điền vẫn còn sống sót đâu đó biết rằng trên mặt đất này vẫn còn có một người nhớ tới anh Trâu Điền ngày xưa ..” (N.A)

Ý và lời của N.A đẹp hơn bất cứ một bức tranh nổi tiếng nào, đẹp nhưng buồn quá, 40 năm sau mà cô viết lại kỷ niệm như chuyện vừa xảy ra hôm qua, câu chuyện thật hằn sâu trong tim, con tim rướm máu. Nhưng cô N.A ơi! Anh Trâu Điền mà cô nhắc đến cũng đã theo chân người anh kết nghĩa, thân phụ của cô. Trâu Điền Bùi Ngọc Đường đã hy sinh trên chiến trường Cao Miên cuối năm 1969.

Còn với người viết thì sau khi giải tỏa địch xong tại khu vực đường Thành Thái, khu vực có nhà em, mà không gây thiệt hại gì cho dân chúng trong vùng, đang ngồi nghỉ bên vệ đường thì được một bà cụ đem cho đĩa cơm với miếng thịt heo quay kho tàu và hai quả trứng vịt, cụ bảo:

— Ăn đi con, thịt heo quay kho tàu đây, ăn với dưa...

Cụ chưa nói hết câu “ăn với dưa giá” thì một tràng súng nổ, cụ vội bỏ nhanh đĩa cơm xuống đất rồi chạy vào nhà, một lão trượng đi tới cười ha hả: “Bà này nhát như cáy, lính người ta bắn chỉ thiên đuổi mấy tên hôi của” rồi ông đến bên, mời cho tôi điều thuốc

- Hút với bố điều thuốc 555 ngày Tết, lính của con giỏi và kỷ luật lắm..

Giữa nơi khói đạn còn ngợp thở mà một lão trượng xa lạ đến thăm lại tư xưng là “bố” và gọi tôi là “con”, khen lính tôi giỏi và kỷ luật thì còn gì cảm động cho bằng, ước chi lão trượng có con gái, tôi thăm nghĩ như thế..

*

* *

Nghe tiếng ú-ớ của anh bạn tù năm xưa, đã 7 giờ sáng rồi, tôi lay vai đánh thức:

- Sáng rồi, dậy rửa mặt, rồi đi uống café, lại mơ thấy “bánh chung” phải không?

Phan Hữu Hạnh, người bạn học Petrus Ký và cũng là bạn tù năm xưa treo cái bánh chung suốt ba ngày Tết ở Hoàng Liên Sơn, ngồi bật dậy, đưa tay che miệng ngáp rồi đáp:

- Gần như vậy, tao mơ thấy thằng bộ đội quản chế bắt vác một khúc cây to còn tươi về trại để nấu bánh chung. Bớ khi, sao ác mộng nó cứ đeo đẳng hoài?

- Đó là điều không vui, nhưng cũng nhắc cho chúng ta khỏi quên dĩ vãng, nhớ lại cái thiếu trước kia và cái thừa ngày nay ở hải ngoại. Chúng ta đang được hưởng những mùa Xuân hạnh phúc thì chớ quên đồng đội “vô phúc” nơi địa ngục trần gian. Cũng cần có thêm ác mộng để nhắc nhở cho những con trâu già nham nhở ở hải ngoại hay khoác lác khoe khoang chuyện tìm về chốn cũ gặm cỏ non, chúng gặm cả cỏ non trên mảnh ruộng chéo của đồng đội xưa, những con trâu bò mang họ Nguyễn, Trần, Lê, Bùi, Đoàn, Hoàng v.v..ở hải ngoại.

- Mời các ông ra ăn bánh cuốn nóng Thanh Trì, chả lụa, nước mắm cà cuống...

Tiếng cô con gái của lão trưởng ngày xưa mời chồng và bạn điếm tâm bằng bánh cuốn giò lụa càng làm tôi nhớ đến chuyện ăn sáng ngày tết với mẩu sắn rồi nhai luôn cả tim sắn ở trại tù số 8 Hoàng Liên Sơn

“Đón Xuân Này Nhớ Xuân Xưa”./.

Captovan